

Số: 202./GPMT-UBND

Đồng Tháp, ngày 24 tháng 7 năm 2026

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14 ngày 17 tháng 11 năm 2020, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 15 luật trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường số 146/2025/QH-15 ngày 11 tháng 12 năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2025 và Nghị định số 48/2026/NĐ-CP ngày 29 tháng 01 năm 2026;

Căn cứ Nghị quyết số 66.19/2026/NQ-CP ngày 15 tháng 8 năm 2026 của Chính phủ về cắt giảm, phân quyền, đơn giản hóa thủ tục hành chính và cắt giảm, đơn giản hoá điều kiện kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của Bộ Nông nghiệp và Môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28 tháng 02 năm 2025 và Thông tư số 09/2026/TT-BTNMT ngày 29 tháng 01 năm 2026 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường;

Xét văn bản đề nghị cấp giấy phép môi trường của Công ty TNHH Thủy sản Phát Tiến tại văn bản số 01/CVPT/2026 ngày 27 tháng 01 năm 2026, văn bản số 12/CVPT/2026 ngày 07 tháng 7 năm 2026 về việc chỉnh sửa, bổ sung nội dung báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường đối với cơ sở Nhà máy chế biến thủy sản Phát Tiến và hồ sơ kèm theo;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Tờ trình số 10888/TTr-SNN&MT ngày 23 tháng 7 năm 2026.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp phép cho Công ty TNHH Thủy sản Phát Tiến, địa chỉ tại: lô B3, đường số 2, Cụm công nghiệp Mỹ Hiệp, xã Mỹ Hiệp, tỉnh Đồng Tháp được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của cơ sở Nhà máy chế biến thủy sản Phát Tiến, địa chỉ: lô B3, Đường số 2, Cụm công nghiệp Mỹ Hiệp, xã Mỹ Hiệp, tỉnh Đồng Tháp với các nội dung như sau:

1. Thông tin chung của cơ sở

a) Tên cơ sở: Nhà máy chế biến thủy sản Phát Tiến.

b) Địa điểm hoạt động: lô B3, đường số 2, Cụm công nghiệp Mỹ Hiệp, xã Mỹ Hiệp, tỉnh Đồng Tháp.

c) Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 1400633707 đăng ký lần đầu ngày 02 tháng 01 năm 2008, đăng ký thay đổi lần thứ: 12 ngày 13 tháng 9 năm 2025 do Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Tài chính tỉnh Đồng Tháp cấp.

d) Mã số thuế: 1400633707.

đ) Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản.

e) Phạm vi, quy mô, công suất của cơ sở:

- Diện tích: 21.273,5 m².

- Cơ sở có tiêu chí về môi trường như dự án đầu tư nhóm I theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 được sửa, đổi bổ sung tại Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2025 của Chính phủ và Nghị định số 48/2026/NĐ-CP ngày 29 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ.

- Công suất và quy trình công nghệ sản xuất của các dây chuyền sản xuất được xem xét cấp phép tại Giấy phép môi trường này:

+ Công suất: 200 tấn nguyên liệu/ngày (tương ứng với 28.350 tấn sản phẩm/năm).

+ Quy trình công nghệ sản xuất của các dây chuyền sản xuất: nguyên liệu đầu vào → Cắt tiết → Rửa 1 → Fillet → Rửa 2 → Lạng da → Định hình → Rửa 3 → Phân cỡ, phân màu → Rửa 4 → Soi ký sinh trùng → Xếp khuôn → Chờ đông → Cấp đông, tách khuôn, mạ băng → Đóng gói, bảo quản → Thành phẩm.

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường

a) Được phép xả nước thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép môi trường này.

b) Bảo đảm giá trị giới hạn tối đa về tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép môi trường này.

c) Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép môi trường này.

d) Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Giấy phép môi trường này.

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Công ty TNHH Thủy sản Phát Tiến được cấp Giấy phép môi trường

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Công ty TNHH Thủy sản Phát Tiến có trách nhiệm:

a) Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

b) Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép môi trường này và phải dừng ngay việc xả nước thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

c) Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

d) Báo cáo kịp thời về cơ quan cấp giấy phép môi trường, cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

đ) Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép này, phải kịp thời báo cáo đến cơ quan cấp phép.

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép: 07 năm (kể từ ngày Giấy phép môi trường này được ký ban hành).

Điều 4. Giao Sở Nông nghiệp và Môi trường tổ chức kiểm tra việc thực hiện các nội dung quy định tại Giấy phép môi trường này, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với cơ sở được cấp phép theo quy định của pháp luật. /... *muon*

Nơi nhận:

- Sở Nông nghiệp và Môi trường;
- Sở Công Thương;
- Công an tỉnh;
- UBND xã Mỹ Hiệp;
- Công ty TNHH Thủy sản Phát Tiến;
- Cổng Thông tin điện tử tỉnh;
- VPUB: CVP, các PCVP, các Phòng nghiên cứu;
- Lưu: VT, Nguyên.

5

KT. CHỦ TỊCH *muon*
PHÓ CHỦ TỊCH



hach
Nguyễn Thành Diệu

Phụ lục 1
NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI
VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG
ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI
(Kèm theo Giấy phép môi trường số: 202 /GPMT-UBND
ngày 24 tháng 7 năm 2026 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI

1. Nguồn phát sinh nước thải

- Nguồn số 01: nước thải sinh hoạt, lưu lượng khoảng: 31,5 m³/ngày đêm.
- Nguồn số 02: nước thải sản xuất, lưu lượng khoảng: 500 m³/ngày đêm.
- Nguồn số 03: nước thải vệ sinh dụng cụ, nhà xưởng lưu lượng khoảng: 100 m³/ngày đêm.

2. Dòng nước thải xả vào nguồn tiếp nhận, nguồn tiếp nhận nước thải, vị trí xả nước thải

a) Nguồn tiếp nhận nước thải: sông Cái Nhỏ đoạn chảy qua Cụm Công nghiệp Mỹ Hiệp, xã Mỹ Hiệp, tỉnh Đồng Tháp.

b) Vị trí xả nước thải: sông Cái Nhỏ đoạn chảy qua Cụm Công nghiệp Mỹ Hiệp, xã Mỹ Hiệp, tỉnh Đồng Tháp. Tọa độ vị trí xả thải (theo hệ VN 2000, kinh tuyến trực 105°00', múi chiếu 3°): X = 1142072; Y = 587578.

c) Lưu lượng xả nước thải lớn nhất: 1.500 m³/ngày đêm.

- Phương thức xả nước thải: tự chảy.

- Chế độ xả nước thải: liên tục 24 giờ.

- Chất lượng nước thải trước khi xả vào nguồn tiếp nhận phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 11-MT:2015/BTNMT, Cột A ($K_q = 0,9$; $K_f = 1,0$) – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải chế biến thủy sản (áp dụng đến ngày 31/12/2031), QCVN 40:2025/BTNMT, cột A – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp (áp dụng kể từ ngày 01/01/2032), cụ thể như sau:

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ
I	Kể từ thời điểm cấp Giấy phép môi trường đến hết ngày 31/12/2031			
1	pH	-	6 - 9	6 tháng/lần
2	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/L	45	

3	COD	mg/L	67,5	
4	Amoni (NH ₄ ⁺ tính theo N)	mg/L	9	
5	BOD ₅ ở 20 ⁰ C	mg/L	27	
6	Tổng nitơ (tính theo N)	mg/L	27	
7	Tổng phốt pho (tính theo P)	mg/L	9	
8	Tổng dầu, mỡ động thực vật	mg/L	9	
9	Tổng Coliforms	MPN/100ml	3.000	
10	Clo dư	mg/L	0,9	
II Kể từ ngày 01/01/2032 đến hết thời hạn của Giấy phép môi trường				
1	pH	-	6 - 9	6 tháng/lần
2	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/L	≤40	
3	Nhu cầu oxy hóa học (COD)	mg/L	≤65	
4	Amoni (NH ₄ ⁺), tính theo N	mg/L	≤5	
5	Nhu cầu oxy sinh hóa (BOD ₅ ở 20 ⁰ C)	mg/L	≤40	
6	Tổng Nitơ (T-N)	mg/L	≤20	
7	Tổng phốt pho (T-P)	mg/L	≤8	
8	Dầu mỡ động thực vật	mg/L	≤5	
9	Tổng Coliforms	MPN/100ml	≤3.000	
10	Clo dư	mg/L	≤1	

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải và hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục

a) Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về hệ thống xử lý nước thải:

- Nguồn số 01: → Bể tự hoại → Hệ thống thu gom → Hệ thống xử lý nước thải tập trung của cơ sở, công suất 1.500 m³/ngày đêm.

- Nguồn số 02 và số số 3: → Hệ thống thu gom → Hệ thống xử lý nước thải tập trung của cơ sở, công suất 1.500 m³/ngày đêm.

b) Công trình, thiết bị xử lý nước thải:

- Tóm tắt quy trình công nghệ: nước thải nhà máy → Mương tách mỡ → Bể thu gom → Lược rác tinh → Bể điều hòa → Thiết bị phản ứng siêu tốc → Bể tuyển nổi siêu nông → Bể Anoxic → Bể Aerotank → Bể lắng sinh học → Bể trung gian → Bồn lọc áp lực → Bể khử trùng → Nguồn tiếp nhận nước thải.

+ Công suất thiết kế: 1.500m³/ngày đêm.

+ Hóa chất, vật liệu sử dụng: PAC, Polymer, Chlorine hoặc vật liệu, hóa chất tương đương.

c) Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục: cơ sở đã hoàn thành việc lắp đặt hệ thống quan trắc nước thải tự động, liên tục với thông tin như sau:

- Số lượng: 01 trạm.

- Vị trí lắp đặt: tại mương quan trắc.

- Thông số lắp đặt: lưu lượng (đầu vào, đầu ra), pH, COD, TSS, Nhiệt độ và NH₄⁺.

- Thiết bị lấy mẫu tự động: 01 thiết bị.

- Camera theo dõi: đã lắp camera giám sát trực tuyến.

- Kết nối, truyền số liệu: dữ liệu đã được truyền về Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đồng Tháp (nay là Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Tháp) để theo dõi, giám sát (được xác nhận tại Công văn số 6425/STNMT-QLMT ngày 31 tháng 12 năm 2024 của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đồng Tháp).

d) Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

- Biện pháp phòng ngừa:

+ Tuân thủ các yêu cầu thiết kế và quy trình kỹ thuật vận hành, bảo dưỡng hệ thống xử lý nước thải định kỳ nhằm đảm bảo hiệu suất xử lý.

+ Luôn trang bị các thiết bị dự phòng cho hệ thống xử lý.

+ Trang bị phát điện dự phòng với công suất 150 kVA đảm bảo luôn đáp ứng đủ điện năng cho trạm xử lý nước thải tập trung hoạt động ổn định trong trường hợp hệ thống lưới điện có sự cố.

- Biện pháp xử lý khi có sự cố:

+ Trong trường hợp sự cố thiết bị, nhanh chóng khắc phục sự cố và sử dụng thiết bị dự phòng cho hệ thống trong khi khắc phục sự cố.

+ Trong trường hợp sự cố hệ thống xử lý nước thải kéo dài sẽ ngưng hoạt động đến khi khắc phục xong mới cho hoạt động trở lại.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm:

Cơ sở không thuộc đối tượng phải vận hành thử nghiệm theo quy định tại Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ được sửa đổi bổ sung tại khoản 13 Điều 1 Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ và Điều 11 Nghị định số 48/2026/NĐ-CP ngày 29/01/2026 của Chính phủ.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

- Thu gom, xử lý nước thải phát sinh từ hoạt động của cơ sở bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Mục A Phụ lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường.

- Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, thiết bị, hóa chất để thường xuyên vận hành hiệu quả các hệ thống, công trình thu gom, xử lý nước thải.

- Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi có bất kỳ thông số nào không đạt yêu cầu quy định tại Phụ lục này và phải dừng ngay việc xả nước để thực hiện các biện pháp khắc phục./.

Phụ lục 2
BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG
VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG
(Kèm theo Giấy phép môi trường số 202/GPMT-UBND
ngày 24 tháng 7 năm 2026 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG

1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung

- Nguồn số 01: Tiếng ồn, độ rung từ máy thổi khí, máy bơm của hệ thống xử lý nước thải.

- Nguồn số 02: Tiếng ồn, độ rung từ hệ thống phòng máy của nhà xưởng.

2. Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung (tọa độ lấy tại trung tâm của khu vực phát sinh tiếng ồn và rung):

Nguồn số 01: Tọa độ X (m) = 1141398; Y (m) = 582647.

Nguồn số 02: Tọa độ X (m) = 1141390; Y (m) = 582566.

(theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực 105°, múi chiều 3°).

3. Tiếng ồn, độ rung phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và các quy chuẩn kỹ thuật quốc gia theo lộ trình áp dụng như sau:

3.1. Từ thời điểm được cấp giấy phép môi trường đến ngày 31/12/2026: Áp dụng QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung, cụ thể:

a) Tiếng ồn

TT	Thời gian áp dụng trong ngày và mức ồn tối đa cho phép (dBA)		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6 giờ đến 21 giờ	Từ 21 giờ đến 6 giờ		
1	70	55	-	Khu vực thông thường

b) Độ rung

TT	Thời gian áp dụng trong ngày và mức gia tốc rung tối đa cho phép (dB)		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6 giờ đến 21 giờ	Từ 21 giờ đến 6 giờ		
1	70	60	-	Khu vực thông thường

3.2. Kể từ ngày 01/01/2027: Áp dụng QCVN 26:2025/BNNT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, QCVN 27:2025/BNNT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung, cụ thể:

a) Tiếng ồn

TT	Khoảng thời gian và mức ồn tối đa cho phép (dBA)			Tần suất quan trắc định kỳ	Khu vực bị ảnh hưởng
	Ngày (từ 06h00 đến trước 18h00)	Tối (từ 18h00 đến trước 22h00)	Đêm (từ 22h00 đến trước 6h00)		
1	70	65	60	-	Khu vực E

b) Độ rung

TT	Khoảng thời gian và mức rung tối đa cho phép (dB)		Tần suất quan trắc định kỳ	Khu vực bị ảnh hưởng
	Ngày (từ 06h00 đến trước 22h00)	Đêm (từ 22h00 đến trước 6h00)		
1	75	70	-	Khu vực D

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG

1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung

- Tăng cường trồng cây xanh xung quanh nhà máy, xây dựng tường xung quanh nhà xưởng sản xuất để hạn chế tiếng ồn phát ra môi trường xung quanh.
- Thực hiện cố định chân giá đỡ các máy móc nhằm giảm thiểu độ rung của các máy móc trong nhà xưởng.
- Trong quá trình vận hành thường xuyên kiểm tra lượng dầu bôi trơn và dầu trong máy; không để máy hoạt động quá tải; bảo dưỡng máy móc định kỳ.
- Các thiết bị phát sinh tiếng ồn, độ rung trong quá trình vận hành hệ thống xử lý nước thải được lắp đặt ống giảm thanh; trang bị đệm cao su chống rung cho máy thổi khí.

2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu, bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại phụ lục này.

Định kỳ bảo dưỡng đối với các thiết bị để hạn chế phát sinh tiếng ồn, độ rung./.

Phụ lục 3
YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI,
PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG
(Kèm theo Giấy phép môi trường số **202** /GPMT-UBND
ngày **24** tháng **7** năm 2026 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh)

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI

1. Chung loại, khối lượng chất thải phát sinh

a) Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại (CTNH) phát sinh thường xuyên:

TT	Tên chất thải nguy hại	Trạng thái	Mã chất thải	Khối lượng (kg/năm)	Ký hiệu phân loại
1	Các thiết bị, bộ phận, linh kiện điện tử thải	Rắn	19 02 06	5	NH
2	Nhựa trao đổi ion đã qua sử dụng tại trạm cấp nước	Rắn	12 06 01	10	NH
3	Dầu nhiên liệu và dầu diesel thải	Lỏng	17 06 01	50	NH
4	Pin, ắc quy chì thải	Rắn	19 06 01	20	NH
5	Bóng đèn quỳnh quang thải và các loại thủy tinh hoạt tính thải	Rắn	16 01 06	20	NH
Tổng cộng				105	

b) Khối lượng, chủng loại chất thải công nghiệp phải kiểm soát:

TT	Tên chất thải nguy hại	Trạng thái	Mã chất thải	Khối lượng g (kg/năm)	Ký hiệu phân loại
1	Que hàn thải có các kim loại nặng hoặc thành phần nguy hại	Rắn	07 04 01	20	KS
2	Xi hàn có các kim loại nặng hoặc các thành phần nguy hại	Rắn	07 04 02	2	KS
3	Hộp mực in thải có các thành phần nguy hại	Rắn	08 02 04	5	KS

TT	Tên chất thải nguy hại	Trạng thái	Mã chất thải	Khối lượng (kg/năm)	Ký hiệu phân loại
4	Chất hấp thụ, vật liệu lọc (bao gồm cả vật liệu lọc dầu), giẻ lau, vải bảo vệ thải bị nhiễm các thành phần nguy hại	Rắn	18 02 01	10	KS
5	Thủy tinh, nhựa, gỗ thải có hoặc bị nhiễm các thành phần nguy hại	Rắn	11 02 01	18	KS
6	Bao bì cứng thải bằng kim loại bao gồm cả bình chứa áp suất bảo đảm rỗng hoàn toàn	Rắn	18 01 02	15	KS
7	Bao bì cứng thải bằng nhựa	Rắn	18 01 03	20	KS
Tổng cộng				90	

c) Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh: bao gồm phế phẩm thải ra từ quá trình chế biến thủy sản khoảng 80 tấn/ngày; bùn thải từ quá trình xử lý nước thải khoảng 80kg/ngày, phiếu liệu (giấy carton, dây đai, ủng, bao tay cao su, thùng xốp, bao giấy, bao nilong, túi PE,...) khoảng 110kg/ngày, 3,3 tấn/tháng.

d) Chất thải rắn sinh hoạt phát sinh: khoảng 150kg/ngày (tương đương 4,5 tấn/tháng).

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại

a) Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại:

- Khu vực lưu chứa:

+ Diện tích kho lưu chứa: 04 m².

+ Kho chứa chất thải nguy hại có mái che, cửa sắt, nền tráng xi măng gờ cao không bị nước mưa tạt và chảy tràn vào bên trong. Phía ngoài kho có dán nhãn rõ ràng và có biển cảnh báo nguy hại và biển báo cấm. Khu vực lưu chứa chất thải nguy hại đảm bảo quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28 tháng 02 năm 2025 Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường và Thông tư số 09/TT-BNNMT ngày 29/01/2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

b) Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường:

- Khu vực lưu giữ: bố trí khu vực lưu chứa chất thải rắn công nghiệp thông thường diện tích 20 m². Thiết kế, cấu tạo của khu vực lưu chứa: kết cấu nền bê tông, tường gạch, mái tôn, có thiết bị chữa cháy, có biển cảnh báo.

- Khu vực lưu chứa chất thải rắn công nghiệp thông thường phải đảm bảo quy định tại Điều 33 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường.

c) Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt:

- Thiết bị lưu chứa: trang bị các thùng có nắp đậy thể tích các loại (loại 240 lít).

- Khu vực lưu chứa: Khu vực lưu chứa chất thải rắn sinh hoạt dự án không bố trí công trình kiên cố để lưu chứa mà thực hiện trang bị các thùng chứa rác tại các vị trí trong khuôn viên dự án để thu gom, sau đó tập kết về vị trí quy định để đơn vị chức năng thu gom.

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

- Sự cố cháy nổ: phải thực hiện các biện pháp phòng ngừa và ứng phó sự cố cháy nổ theo quy định.

- Thực hiện trách nhiệm phòng ngừa sự cố môi trường, chuẩn bị ứng phó sự cố môi trường, tổ chức ứng phó sự cố môi trường, phục hồi môi trường sau sự cố môi trường theo quy định tại Điều 122, Điều 124, Điều 125 và Điều 126 Luật Bảo vệ môi trường.

- Có trách nhiệm ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ và phù hợp với nội dung phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong Giấy phép môi trường này./.



Phụ lục 4
CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG
(Kèm theo Giấy phép môi trường số 202/GPMT-UBND
ngày 24 tháng 7 năm 2026 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh)

A. YÊU CẦU VỀ CẢI TẠO, PHỤC HỒI MÔI TRƯỜNG: không

B. YÊU CẦU VỀ BỒI HOÀN ĐA DẠNG SINH HỌC: không

C. CÁC NỘI DUNG CHỦ CƠ SỞ TIẾP TỤC THỰC HIỆN THEO QUYẾT ĐỊNH PHÊ DUYỆT KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG/GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG: không

D. YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

1. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường. Trường hợp có thay đổi so với nội dung giấy phép đã được cấp, phải báo cáo cơ quan cấp giấy phép xem xét, giải quyết.

2. Chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép môi trường.

3. Công khai Giấy phép môi trường theo quy định pháp luật, trừ các thông tin thuộc bí mật nhà nước, bí mật của doanh nghiệp theo quy định của pháp luật.

4. Cung cấp các thông tin có liên quan theo yêu cầu của cơ quan quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường trong quá trình kiểm tra, thanh tra.

5. Báo cáo công tác bảo vệ môi trường theo quy định.

6. Thực hiện các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật về đất đai, xây dựng, an toàn sự cố, phòng cháy chữa cháy và các quy định khác có liên quan./.

